**MÔN NGỮ VĂN - KHỐI 11**

**HỌC KÌ II - NĂM HỌC 2021 - 2022**

**TỪ 14/3/2022 – 21/5/ 2022)**

**I. HƯỚNG DẪN HỌC TẬP (HS ĐỌC SGK, TÀI LIỆU THAM KHẢO)**

|  |  |
| --- | --- |
| **NỘI DUNG** | **GHI CHÚ** |
| **Bài: Đặc điểm loại hình của tiếng Việt** |  |
| **Hoạt động 1: Đọc tài liệu và thực hiện các yêu cầu.** | - HS nghiên cứu SGK Ngữ Văn lớp 11 tập 2 - **Bài: Đặc điểm loại hình của tiếng Việt**Nếu không có SGK, HS tham khảo nội dung **kiến thức trọng tâm** đính kèm.- HS trả lời các câu hỏi:1/ Tìm hiểu về đặc điểm loại hình ngôn ngữ tiếng Việt2/ Tìm hiểu sự khác nhau giữa ngôn ngữ đơn lập (tiếng Việt) và ngôn ngữ hòa kết (tiếng Anh)  |
| **Hoạt động 2: Kiểm tra, đánh giá quá trình tự học.** | - Học sinh cần nắm được kiến thức trọng tâm của bài học; Hoàn thành bài tập củng cố. |

**II. KIẾN THỨC TRỌNG TÂM**

**A. Loại hình ngôn ngữ**

**1. Loại hình**

- Là tập hợp những sự vật, hiện tượng có cùng chung những đặc trưng cơ bản nào đó.

Vd: múa rối, chèo cổ...thuộc lọai hình nghệ thuật sân khấu dân gian, bản tin, phóng sự, tin nhanh thuộc lọai hình báo chí.

**2. Định nghĩa loại hình ngôn ngữ**

- Là một kiểu cấu tạo ngôn ngữ , trong đó bao gồm một hệ thống những đặc điểm có liên quan với nhau, chi phối lẫn nhau.

- Loại hình ngôn ngữ là tập hợp những ngôn ngữ có những đặc điểm giống nhau về hình thức (có những đặc điểm giống nhau về các mặt ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp).

- Có 2 lọai hình ngôn ngữ: lọai hình ngôn ngữ đơn lập, lọai hình ngôn ngữ hòa kết.

- Hai loại hình ngôn ngữ quen thuộc: loại hình ngôn ngữ đơn lập (tiếng Việt, tiếng Hán, tiếng Thái,…) và loại hình ngôn ngữ hòa kết (tiếng Nga, tiếng Pháp, tiếng Anh,…).

- Ngoài ra còn có loại hình ngôn ngữ chắp dính (tiếng Nhật), loại hình ngôn ngữ hỗn nhập (Đức, Hy Lạp, La Tinh,…).

- Tiếng Việt thuộc lọai hình ngôn ngữ đơn lập

**B. Đặc điểm loại hình của tiếng việt**

**1. Tiếng là đơn vị cơ sở của ngữ pháp. Về mặt ngữ âm, tiếng là âm tiết . Về mặt sử dụng, tiếng có thể là từ hoặc yếu tố cấu tạo từ**

Ví dụ: - Long lanh /đáy /nước /in / trời → 6 tiếng, 5 từ

Ví dụ:

- Tình yêu làm đất lạ hóa quê hương (*Tiếng hát con tàu* – Chế Lan Viên)

→ 8 tiếng, 8 âm tiết, 8 từ, đọc và viết đều tách rời nhau

→ yếu tố cấu tạo từ (đất nước, quê nhà, hương hoa, …)

🡺 Những đặc điểm này làm âm tiết (tiếng) trong tiếng Việt khác âm tiết trong các ngôn ngữ hòa kết.

**2. Từ không biến đổi hình thái**

Ví dụ: Tiếng Việt : Tôi tặng anh ấy quyển sách, anh ấy cho tôi bó hoa. (dù thay đổi chủ ngữ nhưng về mặt ngữ âm và chữ viết vẫn không thay đổi)

 Tiếng Anh: I give to him the book, he gives to me the flowers. (thay đổi chủ ngữ và động từ theo sau, thay đổi ngữ âm → ngôn ngữ biến hình)

Ví dụ:

*Mình (1) đi mình (1) lại nhớ mình (2)*

 *Nguồn bao nhiêu nước, nghĩa tình bấy nhiêu…* (*Việt Bắc* - Tố Hữu)

- *Mình (1)*: chủ ngữ, chủ thể của động từ đi và nhớ

- *Mình (2)*: bổ ngữ, đối tượng của động từ nhớ

→ Các từ *mình* có chức vụ ngữ pháp khác nhau nhưng có hình thái như nhau (thể hiện bằng chữ viết và mặt ngữ âm).

Ví dụ:

*(a) Cha (1) cho tôi (1) một cây viết và tôi (2) mỉm cười với cha (2).*

→ *(a) Cha (1)* là chủ ngữ. *Cha (2)* là bổ ngữ chỉ đối tượng của động từ *mỉm cười*.

→ *Tôi (1)* là bổ ngữ, đối tượng của động từ *cho*. *Tôi (2)* là chủ ngữ.

→ Các cặp từ: *Cha (1) – cha (2) , tôi (1) – tôi (2)* không có sự khác biệt, thay đổi về ngữ âm và sự thể hiện chữ viết.

*(b) My father gives me a pen and I smile with him.*

→ Ýnghĩa *“cha”:* + làm Chủ ngữ: *My father*

 Làm Bổ ngữ: *him*

→ *Cha (1)* phải dịch thành *My father* (vì là CN)

 *Cha (2)* phải dịch thành *him* (vì là BN)

→ Ý nghĩa *“tôi”:* + Làm Chủ ngữ: *I*

Làm Bổ ngữ: *me*

→ *Tôi (1)* phải dịch thành *me*

 *Tôi (2)* phải dịch thành *I*

→ Khi biểu thị những ý nghĩa ngữ pháp khác nhau thì từ trong tiếng Việt không biến đổi hình thái còn từ trong tiếng Anh thường phải biến đổi hình thái (biến đổi về kết cấu ngữ âm, về chữ viết).

→ Tiếng Anh- ngôn ngữ biến đổi hình thái- ngôn ngữ hòa kết.

**3. Biện pháp chủ yếu để biểu thị ý nghĩa ngữ pháp là sắp đặt từ theo thứ tự trước sau và sử dụng các hư từ.**

 Biểu hiện:

**- Thay đổi trật tự sắp đặt từ (hoặc các hư từ được dùng) thì nghĩa của câu sẽ đổi khác.**

Ví dụ 1: Tôi nói ( thông báo)

 Tôi đang nói sao anh không nghe (nhắc nhở)

 Tôi đã nói mà anh không chịu nghe (trách móc)

 Tôi vừa nói mà anh không nghe (trách, nhắc)

Ví dụ 2: Tôi tặng cô ấy 1 quyển sách

 Cô ấy tặng tôi 1 quyển sách ( khác nghĩa)

 Cô ấy tôi 1 quyển sách tặng ( vô nghĩa)

Ví dụ3: Cá hộp ≠ hộp cá

 Cá con≠ con cá

 Được học≠ học được

→ Thay đổi trật tự sắp đặt từ thì nghĩa của cụm từ đổi khác, làm thay đổi nghĩa của câu.

**- Thay đổi các hư từ được dùng thì nghĩa của cụm từ, của câu sẽ đổi khác.**

Ví dụ 1: Dữ dội *và* dịu êm ≠ Dữ dội *hoặc* dịu êm

→ Sử dụng các hư từ khác nhau thì nghĩa của cụm từ thay đổi.

Ví dụ 2: Trời đang mưa ≠ Trời sẽ mưa ≠ Trời vẫn mưa ≠ Trời mưa nữa.

→ Thay đổi hư từ thì ý nghĩa của câu cũng thay đổi.

→ Trật tự sắp đặt từ ngữ và hư từ thay đổi thì nghĩa của cụm từ, của câu sẽ thay đổi

**C. Luyện tập**

**Bài 1:**

- *nụ tầm xuân* 1: bổ ngữ của động từ *hái*

- *nụ tầm xuân* 2: chủ ngữ của động từ *nở*

- *bến* 1: bổ ngữ cho động từ *nhớ* / *bến* 2: chủ ngữ của động từ *đợi*

- *trẻ* 1: bổ ngữ cho động từ *yêu* / *trẻ* 2: chủ ngữ của động từ *đến*

- *già* 1: bổ ngữ cho động từ *kính* / *già* 2: chủ ngữ của động từ *để*

→ Dù thay đổi về chức năng ngữ pháp nhưng những từ nay vẫn không thay đổi về hình thái (đây là điểm khác biệt với từ của các ngôn ngữ không cùng lọai hình )

**Bài 2 :**

- Anh ấy vừa đi rồi - He has gone already

- Anh ấy đi sáng nay -He went on the morning

**Bài 3: Trong đọan văn có các hư từ:**

- đã: chỉ họat động xảy ra trứơc một thời điểm nào đó

- các : chỉ số nhiều tòan thể của sự vật

- để: chỉ mục đích

- lại: chỉ sự tiếp diễn của họat động

- mà : chỉ mục đích

**GỢI Ý LÀM BÀI TẬP CỦNG CỐ**

Hệ thống hóa bài học cho Hs bằng cách yêu cầu Hs trả lời câu hỏi:

- Tiếng Việt thuộc loại hình ngôn ngữ nào?

- Đặc điểm của loại hình ngôn ngữ đó là gì?

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hình thức** | **Tiếng Việt** | **Tiếng Anh** |
| Ngữ âm | Hình vị có kích thước âm tiếtĐồng nhất, biên giới rõ ràng, không có hiện tượng nối âmÂm tiết + mang thanh điệu+ âm chính là nguyên âm | Hình vị có kích thước bất kỳ (có thể <, =, > âm tiết)Bất kỳ, biên giới không rõ ràng, nối âmÂm tiết + không mang thanh điệu+ âm chính là nguyên âm hoặc phụ âm |
| Từ vựng | Từ không biến đổi hình thái | Từ biến đổi hình thái |
| Ngữ pháp | Sử dụng chủ yếu trật tự từ và hư từ để biểu thị ý nghĩa ngữ pháp | Sử dụng chủ yếu phương thức phụ tố, thay chính tố để biểu thị ý nghĩa ngữ pháp |